# HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ THEO ĐỊNH HƯỚNG GIAO TIẾP (CLT) - MỘT KHẢO SÁT TẠI ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (HUST)

**NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN**
**Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội**

*Nhận bài ngày 01/3/2025. Sửa chữa xong 08/3/2025. Duyệt đăng 01/4/2025.*

***Abstract***

*The Communicative Language Teaching (CLT) has been considered as an effective teaching strategy for communicative speaking instruction. This approach has been applied worldwide for EFL classes as well as K-12 education, and receives many positive feedbacks. This article is carried out in order to evaluate the effectiveness of applying CLT in teaching speaking skills for English non-majored students at Hanoi Univeristy of Science and Teachnology. The findings have shown that most of students agree on the positive impacts of CLT as well as its high applicability in higher education.*

***Keywords:*** *CLT, Communicative Language Teaching, speaking skills, effectiveness, Hust.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong thời đại toàn cầu hóa, khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh không chỉ là một lợi thế mà còn là một yêu cầu thiết yếu trong học tập, công việc và cuộc sống. Bởi lẽ tiếng Anh đã ngày càng trở nên phổ biến và đã trở thành ngôn ngữ chung, đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối con người với nhau và thúc đẩy sự phát triển của các lĩnh vực khoa học, công nghệ và kinh tế. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhiều học viên dù đã trải qua nhiều năm học Tiếng Anh, nắm vững ngữ pháp và từ vựng nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc sử dụng ngôn ngữ này để giao tiếp trong các tình huống thực tế. Tại Đại học Bách khoa Hà Nội, nhiều sinh viên (SV) các lớp học kỹ năng nói tiếng Anh thường bày tỏ sự lo lắng khi tham gia thảo luận nhóm hoặc trình bày ý tưởng bằng tiếng Anh, mặc dù họ có kiến thức nền tảng vững chắc về lý thuyết, ngữ pháp và vốn từ vựng phong phú nhưng việc thiếu thực hành và tiếp cận các phương pháp học tập hiệu quả dẫn đến sự hạn chế trong kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Đây là một vấn đề đáng quan tâm, bởi đối với SV các khối ngành kỹ thuật, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh không chỉ giúp họ nâng cao năng lực học thuật mà còn mở ra nhiều cơ hội làm việc và hội nhập quốc tế. Điều này đặt ra câu hỏi: Làm thế nào để các lớp học kỹ năng nói tiếng Anh không chỉ truyền đạt kiến thức ngôn ngữ mà còn giúp SV phát triển khả năng giao tiếp thực tế? Để giải quyết vấn đề này, phương pháp Giảng dạy ngôn ngữ theo định hướng giao tiếp (CLT) đã được phát triển và áp dụng rộng rãi trong các lớp học nói tiếng Anh tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Với trọng tâm là tăng cường sự tương tác và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế, CLT được xem là một hướng tiếp cận đầy hứa hẹn để cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho SV, đặc biệt là tại các lớp học kỹ năng nói ở Đại học Bách khoa Hà Nội.

## 2. Cơ sở lý luận về CLT

### *2.1. Khái niệm CLT*

Xuất hiện từ những năm 1960, thuật ngữ CLT (Communicative Language Teaching) nhanh chóng thu hút sự quan tâm của những nhà ngôn ngữ học, đồng thời cũng là phương pháp giảng dạy ngoại

*Email: loan.nguyenthibich@hust.edu.vn*

ngữ nổi bật nhất lúc bấy giờ [1], [2]. CLT không chỉ đề cập những khía cạnh ngôn ngữ được dạy (what to teach) mà còn chỉ ra cách nhấn mạnh đến phương pháp giảng dạy (how to teach). Thuật ngữ "Dạy cái gì" (what to teach) trong CLT nhấn mạnh tầm quan trọng của chức năng ngôn ngữ hơn là giảng dạy đơn thuần ngữ pháp và từ vựng. Mục tiêu của CLT là giúp người học có thể sử dụng ngôn ngữ thích hợp trong nhiều bối cảnh và nhiều mục đích khác nhau. Thuật ngữ "Dạy như thế nào" (how to teach) trong CLT coi trọng việc tạo ra càng nhiều cơ hội tiếp xúc và sử dụng ngôn ngữ càng tốt và xem đây là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển và kỹ năng của người học [3]. Mục tiêu chính của phương pháp CLT là phát triển năng lực giao tiếp (communicative competence) và phát triển các kỹ thuật, phương pháp, quy trình dạy học các kỹ năng ngôn ngữ dựa trên các khía cạnh phụ thuộc lẫn nhau của ngôn ngữ và giao tiếp. Năng lực giao tiếp bao gồm năng lực ngữ pháp (grammatical competence), xã hội học (sociolinguistic) và chiến lược (strategies). Khả năng ngôn ngữ giao tiếp bao gồm kiến thức hoặc năng lực và sự thành thạo trong việc áp dụng các năng lực này trong việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, theo ngữ cảnh và phù hợp với các tình huống giao tiếp khác nhau [4]. Ngoài ra, CLT cũng tiếp cận năng lực giao tiếp hơn là chỉ năng lực ngôn ngữ thông qua sự tương tác của người học. Ra đời vào những năm 1980, chiến lược giảng dạy ngôn ngữ này dựa trên triết lý rằng, để học một ngôn ngữ, người ta phải thực hành sử dụng ngôn ngữ đó để truyền đạt ý nghĩa cho người khác. Giáo viên (GV) sử dụng phương pháp CLT trong lớp học Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL) khuyến khích SV sử dụng tiếng Anh. Để thúc đẩy việc sử dụng ngôn ngữ một cách có ý nghĩa, GV ESL có thể áp dụng các hoạt động khuyến khích SV nói trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ có ý nghĩa. Tương tác vừa là phương pháp vừa là mục tiêu của giáo dục ESL [5].

***2.2. Hoạt động giảng dạy dùng phương pháp CLT***

Rất nhiều hoạt động có thể được áp dụng trong lớp học nói tiếng Anh sử dụng phương pháp CLT, chẳng hạn như mô phỏng bài phỏng vấn, hoạt động suy nghĩ theo cặp,… Ngoài ra, tại website chia sẻ về phương pháp dạy học của mình, Đại học Louisiana Monroe chia sẻ những hoạt động rất hữu ích và tiêu biểu của phương pháp CLT [5].

*2.2.1. Talk the Talk*

Trong một lớp học ESL sử dụng phương pháp CLT, SV là người nói nhiều nhất. Điều này giúp họ thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh, liên tục trò chuyện với nhau thay vì chỉ lắng nghe bài giảng của GV. GV ESL có thể khuyến khích SV tương tác với nhau mà không cần sửa lỗi trực tiếp quá nhiều. Mục đích của phương pháp giao tiếp trong kỹ năng nói là giúp SV thực hành tiếng Anh mà không sợ lúng túng hoặc mắc lỗi khi học một ngôn ngữ mới. Thay vì ngắt lời hoặc sửa lỗi ngay lập tức khi SV mắc sai lầm, GV sử dụng phương pháp CLT có thể đưa ra phản hồi gián tiếp hoặc hướng cuộc trò chuyện theo cách không làm gián đoạn giao tiếp. Họ có thể chỉnh sửa ngữ pháp sai một cách gián tiếp (ví dụ: nếu SV nói "his shoes is old", GV có thể đáp lại "yes, his shoes ARE old") giúp SV nhận ra lỗi sai và tiếp tục cuộc trò chuyện. Tuy nhiên, các yếu tố như độ tuổi và trình độ có thể ảnh hưởng đến mức độ, hiệu quả của phản hồi gián tiếp và trực tiếp trong các lớp học áp dụng phương pháp CLT.

*2.2.2. Real-Life Scenarios*

Khuyến khích các tương tác có ý nghĩa, GV ESL có thể sử dụng nhiều hoạt động cá nhân hóa và nhiệm vụ thực tiễn đa dạng. SV có thể tham gia vào các tình huống nhập vai dựa trên các tình huống thực tế, chẳng hạn như thảo luận về sở thích và văn hóa đại chúng, thương lượng giá cả khi mua sắm hoặc mô tả cốt truyện của một cuốn sách hoặc bộ phim mà họ mới thưởng thức gần đây. Trọng tâm là sử dụng các tình huống thực tế giúp SV thực hành ngôn ngữ theo ngữ cảnh và nội dung thay vì chỉ học về quy tắc ngữ pháp và cấu trúc câu. Các kỹ thuật giảng dạy bao gồm mô phỏng, lặp lại, làm việc theo cặp và theo nhóm giúp SV phát triển năng lực giao tiếp.

*2.2.3. Working Together*

Các hoạt động CLT đạt hiệu quả cao nhất khi cho phép SV làm việc cùng nhau theo cặp hoặc nhóm. Điều này mô phỏng giao tiếp thực tế, khuyến khích sự lưu loát hơn là chỉ tập trung vào độ chính xác ngữ pháp. Nghiên cứu đã chỉ ra SV ESL thường cảm thấy tự tin và thoải mái hơn khi thực hành kỹ năng

ngôn ngữ và thể hiện ý tưởng của mình khi làm việc cùng các bạn khác. Bởi họ đang làm việc với những người cũng đang học Tiếng Anh nên họ thường cảm thấy an toàn hơn khi giao tiếp mà không sợ mắc lỗi. Việc chia nhóm và ghép cặp SV cũng giúp tăng mức độ tham gia vào các hoạt động trong lớp. Ví dụ, GV có thể tổ chức một trò chơi trong đó SV phải mô tả một vật bằng tiếng Anh để bạn cùng lớp đoán xem đó là gì. Làm việc nhóm không chỉ giúp SV tiếp cận ngôn ngữ theo cách có ý nghĩa mà còn có thể biến lớp học ESL thành môi trường học tập thú vị và khuyến khích sự tham gia tích cực.

*2.2.4. Integrate Reading, Writing and Speaking*

Tuy nhiên, các nghiên cứu đã chỉ ra chỉ sử dụng các kỹ thuật hội thoại theo cặp và nhóm là chưa đủ để thúc đẩy sự tham gia tích cực trong các lớp học ESL. GV áp dụng phương pháp CLT cũng có thể kết hợp các kỹ năng đọc, viết và nghe, vì đây đều là những kỹ năng quan trọng trong quá trình phát triển của người học Tiếng Anh. Phương pháp tích hợp kỹ năng trong CLT kết hợp với các kỹ năng ngôn ngữ chính vào các hoạt động học tập. Chẳng hạn, GV có thể yêu cầu SV xem một video trực tuyến (nghe), đăng ý kiến của mình trong phần bình luận (viết) và mô tả ý kiến của những người khác từ phần bình luận đó (đọc). Các hoạt động tích hợp nhiều kỹ năng ngôn ngữ có thể nâng cao chất lượng giảng dạy ESL theo phương pháp giao tiếp, giúp SV có cơ hội thực hành nhiều kỹ năng cùng lúc, đồng thời giúp GV truyền đạt các phương pháp giảng dạy hiệu quả cho từng kỹ năng này.

Ngoài ra, Littlewood [6] cũng đưa ra những chiến thuật trong giảng dạy kĩ năng nói bao gồm: đóng vai, làm nhóm đôi, luyện tập đoạn hội thoại,… Littlewood cũng phân biệt hai loại hoạt động chính được sử dụng trong CLT:

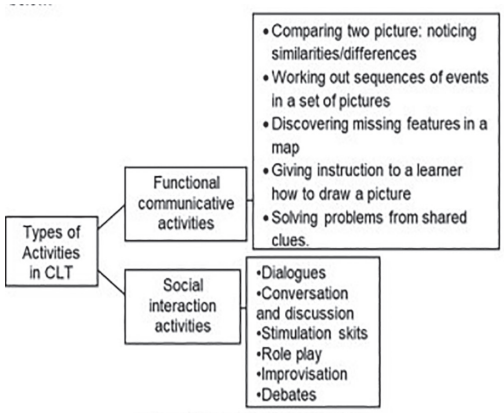



**Figure 1. Types of activities in CLT**

Từ sơ đồ trên có thể thấy các hoạt động trong CLT bao gồm hai nhóm chính: Hoạt động giao tiếp tăng cường chức năng giao tiếp (1) và hoạt động tăng cường tương tác xã hội (2). Nhóm hoạt động (1) bao gồm một số các hoạt động như: so sánh hai bức tranh và chỉ ra điểm khác nhau hoặc điểm tương đồng; tìm ra chuỗi các hoạt động dựa vào tranh; khám phá các điểm đặc biệt còn thiếu trong bản đồ; hướng dẫn một bạn học vẽ một bức tranh; giải quyết vấn đề dựa vào các gợi ý. Nhóm hoạt động (2) bao gồm: hội thoại, thảo luận, đóng vai, hùng biện, và một số khác.

***2.3. Những lợi ích của phương pháp CLT***

Phương pháp giao tiếp trong giảng dạy ngôn ngữ (Communicative Language Teaching - CLT) đã trở thành một trong những phương pháp phổ biến nhất trong việc giảng dạy Tiếng Anh trên toàn thế giới. Nhờ vào những ưu điểm vượt trội, CLT được áp dụng rộng rãi trong nhiều lớp học nhằm nâng cao khả năng giao tiếp thực tế của người học. Phương pháp này tập trung vào sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế, khuyến khích SV tương tác nhiều hơn thay vì chỉ tập trung vào ngữ pháp và lý thuyết. Một nghiên cứu về CLT cũng được thực hiện bởi Paulomi Rahman Nisha năm 2024 với đối tượng nghiên cứu là người học Tiếng Anh tại Bangladesh. Trong bài nghiên cứu của mình, Nisha khảo sát ý kiến của 30 SV từ những trường đại học khác nhau tại Bangladesh. Dữ liệu trong nghiên cứu này được thu thập thông qua phân tích kết quả từ một cuộc khảo sát nhằm đánh giá tác động của phương

pháp giao tiếp trong giảng dạy ngôn ngữ (CLT) đối với kỹ năng nói của SV học Tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL). Kết quả nghiên cứu cho thấy sau khi áp dụng phương pháp CLT, kỹ năng nói của SV đã có sự cải thiện đáng kể về mặt thống kê. Cụ thể, SV thể hiện sự tiến bộ rõ rệt về cả độ lưu loát và độ phức tạp trong bài nói của họ. Họ có khả năng diễn đạt suy nghĩ một cách tự nhiên hơn, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt hơn và có sự đa dạng trong cấu trúc câu cũng như từ vựng. Bên cạnh sự tiến bộ trong kỹ năng nói, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy SV có nhận thức tích cực về phương pháp CLT. Họ đánh giá phương pháp này là hiệu quả trong việc nâng cao khả năng giao tiếp của mình. Nhiều SV bày tỏ rằng CLT giúp họ cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế, đồng thời tạo ra môi trường học tập sinh động, khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động giao tiếp nhiều hơn. Nhìn chung, nghiên cứu này đã khẳng định CLT không chỉ giúp cải thiện kỹ năng nói của SV mà còn góp phần thay đổi thái độ và nhận thức của họ về việc học Tiếng Anh, từ đó nâng cao hiệu quả học tập một cách đáng kể [7].

Tại Việt Nam, Một nghiên cứu đáng chú ý về hiệu quả của CLT được thực hiện bởi Lê Thị Phương Lan [8] khi bà áp dụng phương pháp này trong giảng dạy kỹ năng nói với giáo trình *Objective KET* tại Trường Đại học Thủy lợi. Kết quả nghiên cứu cho thấy CLT mang lại những tín hiệu tích cực rõ rệt đối với SV, giúp họ cải thiện kỹ năng nói và nâng cao sự tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh. Các SV không chỉ cải thiện độ lưu loát mà còn mở rộng vốn từ vựng, khả năng phản xạ và tư duy bằng tiếng Anh một cách linh hoạt hơn. Điều này cho thấy CLT không chỉ giúp phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà còn tạo ra môi trường học tập năng động, giúp SV có thêm động lực trong quá trình học tập. Tuy nhiên, bà Lê Thị Phương Lan cũng nhấn mạnh rằng để CLT thực sự phát huy tối đa hiệu quả cần có sự hỗ trợ từ phía nhà trường. Cụ thể, các trường đại học cần đầu tư vào các khóa bồi dưỡng chuyên môn về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ dành cho GV, giúp họ tiếp cận và áp dụng CLT một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, việc trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, chẳng hạn như phòng học hiện đại, thiết bị hỗ trợ nghe - nhìn, tài liệu học tập phù hợp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai phương pháp này. Ngoài ra, số lượng SV trong một lớp học cũng cần được sắp xếp hợp lý để đảm bảo GV có thể theo sát quá trình học tập của từng cá nhân, từ đó tạo ra môi trường giao tiếp tối ưu cho SV. Nhìn chung, CLT là một phương pháp hiệu quả trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh, đặc biệt là trong bối cảnh học thuật tại Việt Nam. Tuy nhiên, để đạt được kết quả tốt nhất, phương pháp này cần được triển khai trong môi trường giảng dạy có sự hỗ trợ đầy đủ cả về mặt chuyên môn lẫn cơ sở vật chất nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cả GV và SV trong quá trình học tập và giảng dạy [8].

**3. Sơ lược về giảng dạy kỹ năng nói tại Đại học Bách khoa Hà Nội**

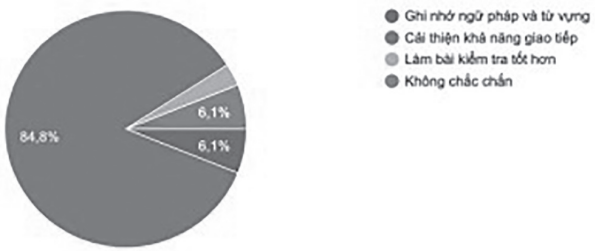
Hiện nay, tại Đại học Bách khoa Hà Nội, nhiều chương trình học Tiếng Anh đang được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhóm SV khác nhau, bao gồm hai chương trình dành cho khối chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ - FL1) và Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế - FL2) và các chương trình dành cho khối không chuyên. Một trong những mục tiêu giảng dạy ngoại ngữ tại Đại học Bách khoa Hà Nội là giúp SV có thể sử dụng thành thạo các kĩ năng tiếng bao gồm nghe, nói, đọc, viết. Trong đó kĩ năng nói thường được SV nhận định là một trong những kĩ năng khó nhất, tốn nhiều thời gian và công sức để có thể cải thiện được trình độ. Vì vậy, các GV tại Khoa Ngoại ngữ đang chủ động áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau để mang lại hiệu quả dạy và học tốt nhất. Một trong số những phương pháp phổ biến nhất phải kể đến đó là phương pháp học tập cộng tác (Cooperative Language Learning - CLL). Đối với phương pháp này, SV được học tập trong môi trường thân thiện, hòa đồng, cởi mở,... giúp kích thích tinh thần học trong một tập thể. SV thường sẽ làm nhiều hoạt động nhóm, tối ưu hóa hoạt động tập thể để mỗi cá nhân đều có sự phát triển và không bị bỏ lại phía sau. Phương pháp CLL cũng đã được đánh giá cao bởi các GV đang giảng dạy trong Khoa Ngoại ngữ nói chung và các GV trong nhóm Lý thuyết tiếng Anh nói riêng. Trong dạy và học ngoại ngữ, mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và hạn chế khác nhau. Trong bài viết này, tác giả tiến hành thực hiện một nghiên cứu để chứng minh hiệu quả của phương pháp CLT trong giảng dạy kĩ năng nói cho SV chương trình Tiên tiến tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội.

Nghiên cứu được thực hiện thông qua bản câu hỏi thăm dò ý kiến (questionnaire) trên google biểu mẫu, lấy ý kiến khảo sát của hơn 30 SV năm thứ nhất đang học tập theo chương trình Tiên tiến tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Khi nhập học, các SV này đã được tham gia khảo sát phân loại đầu vào và đạt trình độ A1. Trong năm học thứ nhất, SV học các học phần liên quan tới kĩ năng nghe, nói, đọc, và viết. Bản thăm dò ý kiến bao gồm 15 câu hỏi. Trong đó, ngoài các câu hỏi trắc nghiệm thông thường, một số câu được thiết kế theo kiểu thang đo Likert (là một công cụ quan trọng trong nghiên cứu khảo sát, thiết kế để đo lường thái độ, ý kiến hoặc nhận thức. Về cơ bản, thang đo Likert đưa ra một loạt các tuyên bố mà người trả lời thể hiện mức độ đồng ý hoặc không đồng ý của họ. Trong hầu hết trường hợp, các phản hồi này tuân theo định dạng tuyến tính, từ "Hoàn toàn không đồng ý" đến "Hoàn toàn đồng ý") tập trung vào hai yếu tố: - Nhận thức và trải nghiệm của SV về CLT; - Quan điểm của SV về CLT.

Trước khi điền khảo sát, SV được phổ biến và cập nhật một số thông tin cần thiết về CLT (bao gồm định nghĩa và các hoạt động trong giảng dạy kĩ năng nói sử dụng phương pháp CLT). Ở đây tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, tổng hợp quan sát, lấy ý kiến khảo sát SV, thống kê và phân tích số liệu.

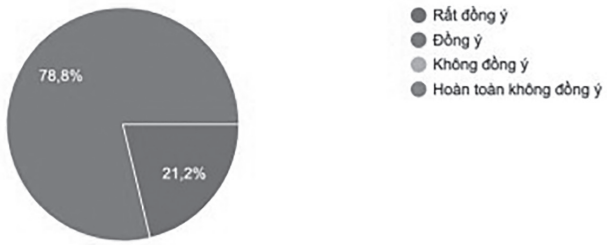
**4. Nhận thức và trải nghiệm của sinh viên về CLT**

Trong tổng 33 SV tham gia khảo sát cho thấy, 54,5% các em đã học Tiếng Anh từ 6-10 năm, 27,3% đã học được hơn 10 năm, 18,2% đã học từ 3-5 năm và không có SV nào học Tiếng Anh dưới 3 năm. Số liệu này cho thấy, đa số SV đều được tiếp xúc với môn Tiếng Anh từ sớm (do môn Tiếng Anh được giảng dạy trực tiếp cho học sinh các cấp). Khi hỏi các em đã từng được học Tiếng Anh với phương pháp CLT bao giờ chưa, hơn 60% cảm thấy không chắc chắn, trong khi 15% các em nói đã từng được học phương pháp này rồi. Tuy nhiên, cũng nhiều em chưa từng biết tới CLT (chiếm 21,2%). Khi được hỏi về mục tiêu chính của phương pháp CLT, đa số SV cho rằng CLT có mục tiêu nhằm cải thiện khả năng giao tiếp. Trong khi đó 6,1% đồng ý CLT giúp ghi nhớ ngữ pháp và từ vựng.




*Biểu đồ 01: Mục tiêu của phương pháp CLT*

Ngoài ra, tất cả SV được khảo sát đồng ý rằng CLT giúp các em tự tin hơn khi giao tiếp bằng tiếng Anh.




*Biểu đồ 2: CLT giúp góp phần tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh*

Quan điểm của SV về CLT: Dựa vào khảo sát, một số thông tin cũng được đưa ra như sau:

*Hoạt động chính trong lớp học CLT:* - 84% SV cho biết tranh luận, thảo luận nhóm chiếm phần lớn thời gian trên lớp; - Các hoạt động giúp SV trao đổi, phản biện ý kiến và thực hành ngôn ngữ tự nhiên; - Các hoạt động bổ trợ khác: đóng vai, thực hành hội thoại giúp cải thiện khả năng giao tiếp thực tế.

*Sự phù hợp của phương pháp CLT:* - Hơn 97% SV tin rằng CLT phù hợp với mọi đối tượng người học; - Một số SV cho biết GV cần điều chỉnh hoạt động để phù hợp với từng trình độ, đặc biệt là với SV yếu về kỹ năng giao tiếp.

*Mức độ ứng dụng trong thực tế giảng dạy:* - Hơn 60% SV cho biết GV thường xuyên áp dụng CLT trong giảng dạy Tiếng Anh giao tiếp; - CLT giúp tạo ra môi trường học tập năng động, SV chủ động thực hành và phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

*Cảm nhận của SV về phương pháp CLT:* - Hơn 50% SV bày tỏ hứng thú, cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh; - 24,2% SV nhận thấy không có quá nhiều khác biệt so với các phương pháp học trước; - 21,2% SV cảm thấy căng thẳng vì khó theo kịp tiến độ lớp học.

*Khó khăn khi học theo CLT:* - Hơn 50% SV gặp trở ngại lớn nhất là thiếu vốn từ vựng để giao tiếp tự tin; - Dù CLT tạo cơ hội thực hành nhưng nếu không có nền tảng từ vựng vững chắc SV vẫn gặp khó khăn khi thể hiện ý tưởng.

*Mong muốn của SV:* - Hơn 72% SV muốn GV áp dụng CLT nhiều hơn để cải thiện kỹ năng giao tiếp và sự tự tin; - Một số SV không chắc chắn về hiệu quả, một bộ phận nhỏ không thích CLT.

Những kết quả này có nhiều điểm tương đồng với kết quả từ những bài báo viết cùng chủ đề về CLT đã được bàn luận ở phần trên.

**5. Kết luận**

Qua nghiên cứu này tác giả nhận thấy phương pháp CLT hoàn toàn phù hợp để áp dụng đối với nhóm đối tượng SV có trình độ tiếng Anh chưa cao, mặc dù một bộ phận nhỏ SV cảm thấy chưa tự tin với phương pháp này do còn gặp phải một số rào cản do thiếu từ vựng và ngữ pháp chưa tốt. Nghiên cứu chỉ được thực hiện trên một nhóm nhỏ SV, kết quả chưa thể đại diện cho cộng đồng học ngôn ngữ, đặc biệt là học kĩ năng nói. Vì vậy, cần có thêm nghiên cứu và thực nghiệm được tiến hành trên phạm vi lớn hơn với nhiều nhóm đối tượng khác nhau để đánh giá được tính hiệu quả và phù hợp của CLT trong môi trường giảng dạy kĩ năng nói không chỉ tại Đại học Bách khoa Hà Nội mà còn ở nhiều trường đại học khác tại Việt Nam.

Do tính hiệu quả của phương pháp CLT rất rõ ràng, tác giả tin rằng phương pháp này sẽ được phát triển và áp dụng rộng rãi tại Việt Nam. Phương pháp trên không chỉ nâng cao năng lực ngôn ngữ của người học trong các bối cánh khác nhau mà còn nâng cao nhận thức về mối quan hệ giữa người nói và đối tượng giao tiếp. Mỗi phương pháp đều có ưu nhược điểm riêng gây ảnh hưởng lên quá trình dạy và học. Tác giả cho rằng, nhiều học giả và nhà nghiên cứu cần khám phá, sáng tạo thêm nhiều phương thức tiếp cận mới để giảm thiểu khó khăn cho người học, tăng tính hiệu quả của việc dạy và học kĩ năng nói cho người học ngoại ngữ ở Việt Nam.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Brown, H.D. (2000), *Principles of Language Learning and Teaching (Nguyên tắc của việc học và giảng dạy ngôn ngữ),* New York: Longman.

[2] Spada, N. (2007), *Communicative Language Teaching: Current Status and Future Prospects (Phương pháp Dạy học Giao tiếp (CLT): Thực trạng hiện tại và triển vọng tương lai)*. In J. C. Davision (Eds). *International Handbook of English Language Teaching (Cẩm nang Quốc tế về giảng dạy ngôn ngữ tiếng Anh)*. Norwell, MA: Springeer, pp. 271-288.

[3] Harmer, J. (1998), *How to teach English: an introduction to the practice of English language teaching (Cách dạy Tiếng Anh: Giới thiệu về thực hành giảng dạy ngôn ngữ tiếng Anh).* New York: Longman.

[4] Trần Thị Thanh Sang (2020), *Đề xuất phương pháp dạy học Tiếng Anh chuyên ngành theo chủ đề cho sinh viên ngành Du lịch.* HUFLIT International Conference on Ensuring a High-Quality Human Resource in the Modern Age, 16/10/2020. https://doi.org/10.15625/vap.2020.00118.

[5] University of Louisiana Monroe. (n.d.). *Communicative language approach (Phương pháp ngôn ngữ giao tiếp)*. ULM Online. Retrieved March 1, 2025, from https://online.ulm.edu/degrees/education/med/curriculum-and-instruction/communicative-language-approach/.

[6] Littlewood, W., (1981), *Communicative language teaching (Phương pháp dạy ngôn ngữ giao tiếp),* New York: Cambridge University Press.

[7] Nisha, P. R. (2024), *Communicative language teaching (CLT) in improving speaking skills of tertiary level EFL students of Bangladesh (Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp (CLT) trong việc nâng cao kỹ năng nói của sinh viên EFL bậc đại học tại Bangladesh).* ResearchGate. Retrieved March 1, 2025, from https://www.researchgate.net/publication/382117515.

[8] Lê Thị Phương Lan (2018), *Áp dụng giảng dạy Tiếng Anh theo phương pháp giao tiếp trong kỹ năng nói với giáo trình "Objective KET" tại Đại học Thủy lợi,* Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên năm 2018, 339-341. ISBN: 978-604-82-2548-3.